

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ XU HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ

● **KHIẾU HOÀNG MINH**

MSSV: 241011147; lớp 4907

Trường Đại học Luật Hà Nội

TÓM TẮT:

Doanh nghiệp nhà nước là chủ thể kinh doanh đặc thù, vừa hoạt động theo cơ chế thị trường, vừa chịu sự quản lý của Nhà nước với tư cách chủ sở hữu vốn. Bài viết phân tích địa vị pháp lý của doanh nghiệp nhà nước dưới góc độ pháp luật thương mại, làm rõ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh; đồng thời, chỉ ra những ràng buộc pháp lý đặc biệt liên quan đến cơ chế đại diện chủ sở hữu, yêu cầu bảo toàn vốn nhà nước và quản trị rủi ro thương mại. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá xu hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao quyền tự chủ của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay.

Từ khóa: doanh nghiệp nhà nước, địa vị pháp lý, pháp luật thương mại, vốn nhà nước, quản trị rủi ro.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, doanh nghiệp nhà nước (sau đây viết tắt là DNNN) được xác định chủ yếu dựa trên tiêu chí sở hữu vốn. Theo đó, tại khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 xác định DNNN là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Quốc hội, 2020). Khái niệm này đã mở rộng đáng kể phạm vi của DNNN so với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, theo đó DNNN không còn giới hạn ở các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước mà bao gồm cả

các doanh nghiệp có sự chi phối của Nhà nước về vốn (Quốc hội, 2014).

Với nội hàm trên, DNNN được định vị là thành tố quan trọng, nòng cốt của kinh tế nhà nước; là nền tảng nguồn lực vật chất quan trọng, là công cụ chiến lược, thiết yếu để Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều tiết và dẫn dắt nền kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao năng lực tự chủ, tự cường và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa; theo đó, DNNN có chức năng, nhiệm vụ kép: Vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường,

vừa thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội mà khối doanh nghiệp tư nhân không hướng tới.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế, bất cập; chính sách pháp luật về kinh tế nhà nước nói chung và DNNN nói riêng còn chậm đổi mới, chưa theo kịp thực tiễn phát triển của nền kinh tế¹, là một trong các nguyên nhân làm cho các DNNN - lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, hoạt động chưa hiệu quả, chưa tương xứng với vị trí, nguồn lực đang nắm giữ; năng lực cạnh tranh quốc tế còn hạn chế; chưa đóng vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo và dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu.

Trên cơ sở nghiên cứu các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế nhà nước (trong đó có DNNN) và tìm hiểu tình hình thực tế hoạt động của DNNN thời gian qua, bài viết phân tích địa vị pháp lý của doanh nghiệp nhà nước dưới góc độ pháp luật thương mại, làm rõ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh; đồng thời, chỉ ra những ràng buộc pháp lý đặc biệt liên quan đến cơ chế đại diện chủ sở hữu, yêu cầu bảo toàn vốn nhà nước và quản trị rủi ro thương mại. Trên cơ sở đó, đề xuất những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về kinh tế nhà nước và đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

2. Tổng quan về địa vị pháp lý và các ràng buộc pháp lý đặc thù của doanh nghiệp nhà nước

Xét dưới góc độ pháp lý, DNNN là một pháp nhân thương mại, đáp ứng đầy đủ các điều kiện của pháp nhân theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Quốc hội, 2015), bao gồm: được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác; và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình. Với tư cách đó, DNNN có khả năng nhân danh mình tham gia một cách độc lập vào các quan hệ pháp luật dân sự và thương mại. Bên cạnh đó, dưới góc độ pháp luật thương mại, DNNN được xác định là thương nhân theo Điều 6 Luật Thương mại năm 2005 (Quốc hội, 2005), bởi đây là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, thực hiện hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Điều này cho thấy, DNNN trong quá trình hoạt động đồng thời chịu sự điều chỉnh của cả pháp luật doanh nghiệp và pháp luật thương mại.

Điểm đặc thù trong bản chất pháp lý của DNNN nằm ở chế độ sở hữu tài sản. Theo Điều 53 Hiến

pháp năm 2013 (Quốc hội, 2013), vốn và tài sản nhà nước thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Do đó, vốn điều lệ của DNNN về bản chất là tài sản công được giao cho doanh nghiệp quản lý, sử dụng và kinh doanh. Chính yếu tố này tạo nên sự khác biệt cơ bản về địa vị pháp lý của DNNN so với các loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

2.1. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp nhà nước

2.1.1. Quyền tự do kinh doanh và phạm vi hoạt động

Với tư cách là thương nhân, DNNN có quyền thực hiện các hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi. Theo Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, hoạt động thương mại bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác (Quốc hội, 2005). Đồng thời, Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020 ghi nhận quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm (Quốc hội, 2020). Tuy nhiên, quyền tự do kinh doanh của DNNN không mang tính tuyệt đối, bởi xuất phát từ đặc điểm sở hữu vốn nhà nước, hoạt động của DNNN chịu sự giới hạn nhất định, đặc biệt trong việc lựa chọn lĩnh vực kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư. Việc góp vốn, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp hoặc thực hiện các dự án có quy mô lớn thường phải tuân thủ cơ chế phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước (Quốc hội, 2014). Do đó, quyền tự do kinh doanh của DNNN luôn gắn liền với nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

2.1.2. Nguyên tắc hoạt động thương mại và các giới hạn pháp lý

Luật Thương mại năm 2005 thiết lập các nguyên tắc cơ bản chi phối hoạt động của thương nhân. Theo Điều 10, các thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật (Quốc hội, 2005); đồng thời, Điều 11 ghi nhận nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại (Quốc hội, 2005). Đối với DNNN, các nguyên tắc này vẫn được áp dụng đầy đủ. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện các quyền này chịu sự chi phối nhất định bởi cơ chế quản lý nội bộ và sự kiểm soát của Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu vốn. Chẳng hạn, trong việc ký kết các hợp đồng có giá trị lớn hoặc mang tính chiến lược, người đại diện của DNNN có thể phải tuân thủ quy trình phê duyệt nội bộ hoặc xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Nghĩa vụ pháp lý trong các giao dịch thương mại của doanh nghiệp nhà nước

Trong các quan hệ thương mại cụ thể, DNNN phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của thương nhân theo quy định của Luật Thương mại năm 2005. Theo Điều 9 của Luật này, thương nhân có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh, hoạt động đúng nội dung đăng ký và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (Quốc hội, 2005). Trong quan hệ mua bán hàng hóa - loại hình giao dịch phổ biến nhất, DNNN phải tuân thủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Theo Điều 35 và Điều 36 Luật Thương mại năm 2005, bên bán có nghĩa vụ giao hàng đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận, đồng thời chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua (Quốc hội, 2005). Ngược lại, theo Điều 50, bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn và nhận hàng theo thỏa thuận (Quốc hội, 2005).

Những quy định này đã khẳng định, trong quan hệ hợp đồng thương mại, DNNN không có địa vị pháp lý ưu tiên so với các thương nhân khác. Nguyên tắc bình đẳng giữa các chủ thể được bảo đảm nhằm duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế thị trường. Mặc dù Luật Thương mại năm 2005 vẫn là nền tảng pháp lý quan trọng điều chỉnh các giao dịch thương mại, song nhiều quy định của luật được xây dựng trong bối cảnh nền kinh tế truyền thống, chưa phản ánh đầy đủ các phương thức giao kết và thực hiện hợp đồng trong môi trường số. Đối với DNNN, vấn đề không chỉ nằm ở việc bảo đảm hiệu lực pháp lý của hợp đồng điện tử hay giao dịch xuyên biên giới mà còn ở yêu cầu quản trị rủi ro đối với tài sản công. Khi tham gia các hợp đồng có giá trị lớn hoặc các dự án đầu tư phức tạp, DNNN phải đồng thời đáp ứng các chuẩn mực thương mại hiện đại và các yêu cầu kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm toán và trách nhiệm giải trình đối với việc sử dụng vốn nhà nước. Đây là yêu cầu đặc thù mà các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân không phải đối mặt ở mức độ tương tự.

2.3. Các ràng buộc pháp lý đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước

2.3.1. Cơ chế đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước

Một trong những đặc điểm pháp lý nổi bật của DNNN là việc Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu thông qua các cơ quan đại diện như Chính phủ, bộ quản lý ngành, cơ quan chuyên trách quản lý vốn

(Quốc hội, 2014). Cơ chế này nhằm bảo đảm việc quản lý, giám sát và sử dụng hiệu quả tài sản công, đồng thời hạn chế nguy cơ thất thoát vốn nhà nước.

Tuy nhiên, dưới góc độ pháp luật kinh doanh, cơ chế đại diện chủ sở hữu lại làm phát sinh một nghịch lý đáng chú ý. Một mặt, Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020 ghi nhận quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp; mặt khác, nhiều quyết định kinh doanh quan trọng của DNNN như phê duyệt chiến lược phát triển, quyết định đầu tư, thoái vốn hoặc thực hiện các dự án lớn vẫn phải thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu. Điều này dẫn đến tình trạng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trên thực tế bị giới hạn đáng kể. Trong môi trường kinh doanh hiện đại, tốc độ ra quyết định là một trong những yếu tố quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối với DNNN, việc phải trải qua nhiều tầng nấc xem xét, thẩm định và phê duyệt có thể làm kéo dài thời gian phản ứng trước các biến động của thị trường. Không ít cơ hội đầu tư hoặc hợp tác thương mại có tính thời điểm đã bị bỏ lỡ do quá trình xin ý kiến và phê duyệt kéo dài. Trong khi đó, các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân có thể chủ động đưa ra quyết định trong thời gian ngắn hơn và nhanh chóng điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo diễn biến của thị trường.

Từ góc độ lý luận, có thể thấy đây chính là mâu thuẫn giữa yêu cầu kiểm soát quyền lực của chủ sở hữu nhà nước và nguyên tắc tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Nếu cơ chế kiểm soát quá chặt chẽ sẽ làm suy giảm tính năng động của doanh nghiệp; ngược lại, nếu trao quyền quá rộng lại tiềm ẩn nguy cơ thất thoát tài sản công. Việc xác lập ranh giới hợp lý giữa 2 yêu cầu này hiện vẫn là một trong những vấn đề pháp lý chưa được giải quyết triệt để.

2.3.2. Ràng buộc về quản lý và sử dụng vốn nhà nước

Theo Điều 21 và Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước năm 2014, DNNN có nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn nhà nước (Quốc hội, 2014). Đây là nguyên tắc mang tính nền tảng nhằm bảo vệ tài sản công và nâng cao trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, dưới góc độ kinh tế học pháp luật, yêu cầu bảo toàn vốn tuyệt đối lại đặt ra một thách thức đáng kể đối với hoạt động kinh doanh. Bản chất của hoạt động thương mại là tìm kiếm lợi nhuận thông qua việc chấp nhận và quản trị

rủi ro. Mọi quyết định đầu tư, mở rộng thị trường, nghiên cứu sản phẩm mới hoặc tham gia vào lĩnh vực kinh doanh mới đều tiềm ẩn khả năng thua lỗ. Do đó, rủi ro là yếu tố tất yếu và không thể tách rời khỏi hoạt động kinh doanh.

Trong khi doanh nghiệp tư nhân có thể chủ động chấp nhận những rủi ro nhất định để đổi lấy cơ hội sinh lời cao hơn, người quản lý DNNN thường đứng trước áp lực rất lớn về trách nhiệm pháp lý nếu dự án đầu tư không đạt hiệu quả hoặc gây thất thoát vốn nhà nước. Trên thực tế, ranh giới giữa “rủi ro kinh doanh khách quan” và “hành vi gây thất thoát vốn nhà nước do quản lý yếu kém” chưa phải lúc nào cũng được xác định rõ ràng. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại trách nhiệm, làm phát sinh hiện tượng né tránh quyết định hoặc lựa chọn các phương án đầu tư an toàn nhưng kém hiệu quả. Nghịch lý đặt ra là: DNNN được kỳ vọng phải cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp tư nhân trên thị trường, nhưng lại không có cùng mức độ tự do trong việc chấp nhận rủi ro kinh doanh. Khi mục tiêu bảo toàn vốn được đặt nặng hơn mục tiêu tối đa hóa hiệu quả đầu tư, doanh nghiệp có xu hướng ưu tiên an toàn hơn là đổi mới và sáng tạo. Điều này phần nào làm giảm năng lực cạnh tranh của DNNN trong những lĩnh vực có tốc độ thay đổi nhanh như công nghệ, viễn thông, logistics hoặc năng lượng mới.

Từ đó cho thấy, vấn đề không nằm ở việc duy trì hay loại bỏ nguyên tắc bảo toàn vốn nhà nước, mà ở việc xây dựng một cơ chế pháp lý đủ rõ ràng để phân biệt giữa rủi ro kinh doanh hợp lý với hành vi vi phạm nghĩa vụ quản lý vốn. Chỉ khi người quản lý doanh nghiệp được bảo vệ trước những rủi ro thương mại khách quan phát sinh từ các quyết định kinh doanh thiện chí và đúng quy trình, doanh nghiệp nhà nước mới có thể phát huy đầy đủ tính chủ động và năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

2.3.3. Trách nhiệm pháp lý và cơ chế giám sát

Trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại, DNNN phải chịu trách nhiệm theo các chế tài quy định tại Điều 302 Luật Thương mại năm 2005 (Quốc hội, 2005). Bên cạnh trách nhiệm của pháp nhân, pháp luật còn đặt ra trách nhiệm cá nhân đối với người quản lý và người đại diện phần vốn nhà nước. Theo Điều 72 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước năm 2025, các cá nhân này phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra thất thoát, lãng phí vốn và tài sản nhà nước (Quốc hội, 2014). Quy định này

góp phần tăng cường kỷ luật tài chính và bảo vệ lợi ích công.

3. Những vấn đề đặt ra trong thực tiễn áp dụng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật liên quan đến doanh nghiệp nhà nước

Bên cạnh những quy định hiện hành của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2025, chính sách pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiện đang tiếp tục bước vào giai đoạn cải cách mạnh mẽ theo hướng tăng cường phân cấp và trao quyền chủ động nhiều hơn cho doanh nghiệp nhà nước cũng như người đại diện phần vốn nhà nước. Đáng chú ý, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/8/2025, thay thế đáng kể cơ chế quản lý trước đây (Quốc hội, 2025). Một trong những định hướng nổi bật của đạo luật mới là giảm sự can thiệp hành chính trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, đồng thời chuyển mạnh từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” trong quản lý vốn nhà nước. Theo đó, DNNN được trao quyền chủ động lớn hơn trong việc quyết định chiến lược kinh doanh, đầu tư và tổ chức quản trị nội bộ, trong khi cơ quan đại diện chủ sở hữu tập trung vào chức năng giám sát hiệu quả sử dụng vốn thay vì can thiệp sâu vào hoạt động điều hành thường xuyên của doanh nghiệp. Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi cũng nhấn mạnh yêu cầu “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền” nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn trong cơ chế quản lý vốn nhà nước hiện nay. Song song với đó, các văn bản dưới luật gần đây cũng cho thấy xu hướng hoàn thiện cơ chế pháp lý đối với người đại diện phần vốn nhà nước. Nghị định số 167/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã bổ sung nhiều quy định liên quan đến quyền, trách nhiệm và cơ chế đánh giá người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Chính phủ, 2024). Đồng thời, Bộ Nội vụ hiện cũng đang xây dựng dự thảo nghị định mới về quản lý người giữ chức danh quản lý và người đại diện phần vốn nhà nước theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch và trách nhiệm giải trình của đội ngũ này.

Đặc biệt, việc Chính phủ ban hành Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/3/2025 về giải thể Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho thấy xu hướng tái cấu trúc mô hình đại diện chủ sở hữu vốn nhà

nước nhằm tinh gọn bộ máy và hạn chế tình trạng chồng chéo trong quản lý (Chính phủ, 2025). Điều này phản ánh sự chuyển dịch đáng chú ý trong tư duy lập pháp: từ mô hình quản lý mang nặng tính hành chính sang mô hình quản trị vốn nhà nước theo nguyên tắc thị trường và hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, việc mở rộng quyền tự chủ cho DNNN cũng đồng thời đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm pháp lý của người quản lý doanh nghiệp. Nếu phân quyền mạnh nhưng thiếu cơ chế giám sát minh bạch và tiêu chuẩn đánh giá rủi ro rõ ràng, nguy cơ thất thoát tài sản công vẫn có thể phát sinh. Vì vậy, xu hướng lập pháp hiện nay không chỉ dừng lại ở việc “nới quyền” cho DNNN mà còn hướng tới xây dựng một cơ chế quản trị hiện đại, cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và bảo vệ lợi ích công cộng.

Có thể thấy, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025 đã giải quyết được phần lớn các khoảng trống về cơ chế quản lý vốn nhà nước và tăng cường quyền tự chủ cho doanh nghiệp, nhưng chưa giải quyết triệt để vấn đề cốt lõi về địa vị pháp lý của DNNN. Đó là: DNNN vẫn được điều chỉnh đồng thời bởi nhiều luật (như: Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước; Luật Đầu tư; Luật Đầu thầu; Luật Quản lý tài sản công...). Do vậy, DNNN chưa hoàn toàn trở thành một chủ thể kinh doanh hoạt động theo đầy đủ nguyên tắc thị

trường mà vẫn mang đặc điểm "nửa doanh nghiệp, nửa khu vực công" do vẫn phải thực hiện đồng thời chức năng kinh doanh và một số nhiệm vụ công, đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều cơ chế quản lý đặc thù của Nhà nước. Đây cũng là nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế DNNN trong giai đoạn phát triển mới.

4. Kết luận

DNNN, với tư cách là một thành tố quan trọng, lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, vừa vận hành theo cơ chế thị trường vừa chịu sự ràng buộc bởi cơ chế quản lý đặc thù của Nhà nước. Dưới góc độ pháp luật, đây là chủ thể mang địa vị “kép”: một mặt là thương nhân bình đẳng trong các quan hệ thương mại, mặt khác là đơn vị gắn với trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn công. Chính đặc điểm này tạo nên những giới hạn nhất định trong quyền tự chủ kinh doanh, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập ngày càng sâu rộng, việc hoàn thiện khung pháp lý đối với DNNN trở nên cần thiết nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và lợi ích công. Chỉ khi tháo gỡ hợp lý các ràng buộc và tăng cường cơ chế giám sát hiệu quả, DNNN mới có thể phát huy đầy đủ vai trò là lực lượng nòng cốt trong nền kinh tế■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 (2020). Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 11 Điều 4.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 (2014). Luật Doanh nghiệp 2014.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 (2015). Bộ luật Dân sự 2015, Điều 74.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 6.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 (2013). Hiến pháp 2013, Điều 53.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 3.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 (2020). Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 7.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 (2014). Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước 2014.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 9.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 35, Điều 36.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 50.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 10.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 11.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 (2014). Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước 2014, Điều 8.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 (2014). Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước 2014, Điều 21, Điều 24.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 (2005). Luật Thương mại 2005, Điều 302.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 (2014). Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước 2014, Điều 72.
 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 (2025). Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025.
 Chính phủ (2024). Nghị định số 167/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
 Chính phủ (2025). Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/3/2025 của Chính phủ về giải thể Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Ngày nhận bài: 16/4/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/5/2026

THE LEGAL STATUS OF STATE-OWNED ENTERPRISES AND TRENDS IN LEGAL REFORM IN THE CONTEXT OF ECONOMIC INTEGRATION

● **KHIEU HOANG MINH**

Student ID: 241011147; Class 4907

Hanoi Law University

ABSTRACT:

State-owned enterprises are distinctive business entities that operate under market mechanisms while remaining subject to the State's oversight in its capacity as the owner of state capital. This study examines the legal status of state-owned enterprises from the perspective of commercial law, clarifying their rights and obligations in commercial activities and highlighting specific legal constraints related to the state ownership representative mechanism, requirements for preserving state capital, and commercial risk management. The study further evaluates recent legislative trends aimed at enhancing decentralization, delegation of authority, and the operational autonomy of state-owned enterprises in the context of economic integration.

Keywords: state-owned enterprises, legal status, commercial law, state capital, risk management.